

IV. ĐẦU THẦU

Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư thiết bị [thuốc trị sùi mào gà](#);

- Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

- Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

Bằng văn bản [cách chữa bệnh sùi mào gà](#)

c) Thành phần hồ sơ:

Văn bản kiến nghị;

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Giải quyết kiến nghị:

+ Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

+ Người có thẩm quyền: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư trị [sùi mào gà](#).

e) Cơ quan thực hiện:

- Bên mời thầu,

- Người có thẩm quyền.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu, người có thẩm quyền.

i) Lệ phí:

Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư [hình ảnh bệnh sùi mào gà](#).

- Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư từ [nhà thuốc bình tâm](#).

2. Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;
- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;
- Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;
- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;
- Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

b) Cách thức thực hiện:

Bằng văn bản

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản kiến nghị;
- Văn bản báo cáo người có thẩm quyền của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;
- Quyết định giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Gửi văn bản kiến nghị: 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Giải quyết kiến nghị:

+ Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

+ Hội đồng tư vấn: giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

+ Người có thẩm quyền: 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

e) Cơ quan thực hiện:

- Bên mời thầu,

- Người có thẩm quyền,

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

i) Lệ phí:

Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng

tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

1. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư lập đề xuất dự án gửi UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề xuất dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang; bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;

- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP);

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư;

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

(2) Phê duyệt:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;

- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có);

- Báo cáo thẩm định dự án;

d) Số lượng hồ sơ:

02 bộ hồ sơ (01 bộ gửi UBND tỉnh; 01 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang).

Ngoài ra, đơn vị lập đề xuất dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề xuất dự án cho các cơ quan có liên quan cho ý kiến thẩm định.

đ) Thời hạn giải quyết:

30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

e) Cơ quan thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư (Tổ chức, cá nhân)

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

i) Lệ phí:

Không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 nghị định 15/2015/NĐ-CP, cụ thể:

1. Dự án được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;

d) Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;

đ) Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của nhà đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh; bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

(1) Thẩm định:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

- Văn bản thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

d) Số lượng hồ sơ:

05 bộ (01 bộ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh; 04 bộ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Ngoài ra, đơn vị lập đề xuất dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề xuất dự án cho các cơ quan có liên quan để có ý kiến thẩm định.

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định:

- Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày;

- Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày.

e) Cơ quan thực hiện:

(1) Thẩm định:

- Đối với dự án nhóm A và nhóm B: Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP.

(2) Phê duyệt:

- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Báo cáo thẩm định BCNCKT điều chỉnh, Quyết định phê duyệt BCNCKT điều chỉnh.

i) Lệ phí:

Không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư; bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Thỏa thuận đầu tư và dự thảo hợp đồng dự án
- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định phê duyệt dự án
- Văn bản chấp thuận chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có)
- Hợp đồng liên doanh và dự thảo điều lệ doanh nghiệp dự án (nếu có)
- Quyết định lựa chọn nhà đầu tư

d) Số lượng hồ sơ:

05 bộ hồ sơ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc và 04 bộ bản sao.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân địa phương nơi dự kiến thực hiện dự án về những nội dung thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này theo quy định tại các Điều 65, 66, 67, 68, 69 và 70 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quy định được hỏi có ý kiến về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư phải giải trình, bổ sung hồ sơ thì thời gian giải trình, bổ sung không tính vào thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện:

- Tại UBND tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức).

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 2 Phụ lục II Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.

i) Lệ phí:

Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 1 Phụ lục II Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP
- Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Mẫu số 1

Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)*

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ và tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:

Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:

Fax (nếu có):

Email (nếu có)

Website (nếu có):

Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):

Giấy tờ chứng thực việc thành lập:

Số giấy chứng thực:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):

Email (nếu có)..... Website (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và Tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo: (thông tin đăng ký tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất)

II. ĐĂNG KÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (nội dung đăng ký dự án đầu tư theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; và văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư):

1. Dự án đầu tư: Dự án đầu tư (tên dự án) thực hiện trên cơ sở hợp đồng (loại hợp đồng) ký kết với (tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), có trụ sở chính tại (địa chỉ trụ sở chính Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), (Điện thoại, Fax) đại diện bởi (Họ và tên, chức danh người đại diện ký kết Hợp đồng dự án) theo Giấy ủy quyền (Số Giấy ủy quyền - nếu có).

2. Địa Điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa Điểm thực hiện dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu, quy mô dự án; yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình kết cấu hạ tầng và dịch vụ cung cấp:

4. Tổng vốn đầu tư: (ghi bằng VNĐ và giá trị tương đương USD), trong đó:

a) Tổng vốn đầu tư (ghi rõ cơ cấu hạng Mục chi phí):

b) Nguồn vốn:

- Vốn chủ sở hữu:

Giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư:

Giá trị, tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:

- Vốn do nhà đầu tư huy động:

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có), bao gồm giá trị, tỷ lệ, tiến độ, phương thức và Điều kiện giải ngân:

5. Thời hạn và tiến độ thực hiện Dự án:

a. Tiến độ xây dựng (ghi cụ thể tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng):

- Tiến độ giải phóng mặt bằng: kể từ đến.....

- Tiến độ xây dựng: kể từ đến.....

b. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (ghi cụ thể tiến độ theo phân kỳ đầu tư):

c. Thời gian kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác Công trình:

d. Thời gian chuyển giao công trình (nếu có):

đ. Thời gian bảo hành công trình sau khi chuyển giao (nếu có):

6. Điều kiện thực hiện dự án:

- Điều kiện kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng (đối với hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT và các hợp đồng tương tự khác):

- Điều kiện thực hiện Dự án khác (đối với hợp đồng BT), bao gồm Điều kiện sử dụng đất:

- Các nội dung khác:

7. Kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ, bảo đảm đầu tư và cơ sở pháp lý (nếu có).

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ dự án.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

NHÀ ĐẦU TƯ

(Từng nhà đầu tư ký và ghi họ tên, chức danh
và đóng dấu, nếu có)

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao chứng minh thư hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân đối với nhà đầu tư là thể nhân; Giấy tờ chứng thực việc thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là pháp nhân;

- Thỏa thuận đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, dự thảo hợp đồng dự án theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này; và dự thảo các hợp đồng liên quan đến việc thực hiện dự án (nếu có);

- Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP (nếu có);

- Hợp đồng liên doanh giữa các nhà đầu tư và dự thảo Điều lệ doanh nghiệp dự án (nếu có);

- Bản sao hợp lệ văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đàm phán hợp đồng dự án của người có thẩm quyền.

4. Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo về các nội dung điều chỉnh cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu, văn bản liên quan đến việc điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án để lưu hồ sơ và thực hiện hoạt động giám sát đầu tư.

- Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Việc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT thực hiện theo quy định sau đây:

+ Nhà đầu tư nộp 05 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ gốc và 04 bộ bản sao cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

+ Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện thủ tục tương ứng về lấy ý kiến các cơ quan liên quan đến nội dung điều chỉnh theo thủ tục quy định tại các Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT để xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp thực hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo về các nội dung điều chỉnh cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu, văn bản liên quan đến việc điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

- Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Việc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư 06/2016/TT-BKHĐT;

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng dự án;

+ Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án);

+ Bản sao hợp lệ quyết định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi Điều chỉnh (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án do điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi);

+ Thỏa thuận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án);

+ Thỏa thuận về việc tiếp nhận dự án của bên cho vay và bản sao hợp lệ chứng nhận thành lập của bên cho vay hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác (đối với trường hợp bên cho vay tiếp nhận dự án).

d) Số lượng hồ sơ:

- 01 bộ hồ sơ (đối với trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư);

- 05 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ gốc và 04 bộ bản sao (trường hợp điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT).

đ) Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư);

- 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ (đối với việc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT)

e) Cơ quan thực hiện:

- Tại UBND cấp tỉnh/Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Lưu hồ sơ để thực hiện giám sát đầu tư;
- Giấy chứng nhận đầu tư được điều chỉnh.

i) Lệ phí:

Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP
- Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Mẫu số 3

Văn bản đề nghị Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp) với nội dung sau:

I. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DỰ ÁN:

Những nội dung đề nghị Điều chỉnh (chỉ ghi những nội dung đề nghị Điều chỉnh và giải trình lý do Điều chỉnh):

Nội dung dự án sau khi Điều chỉnh (nội dung đăng ký dự án theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và căn cứ Điều chỉnh dự án. Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Thông tư này thì không phải kê khai Mục này):

1. Dự án: Dự án đầu tư xây dựng (tên dự án) thực hiện trên cơ sở hợp đồng (loại hợp đồng) ký kết với (tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), có trụ sở chính tại (địa chỉ trụ sở chính Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), (Điện thoại, Fax) đại diện bởi (Họ và tên, chức danh người đại diện ký kết Hợp đồng dự án) theo Giấy ủy quyền (Số Giấy ủy quyền nếu có).

2. Địa Điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa Điểm thực hiện dự án:
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu, quy mô dự án; yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình dự án, dịch vụ được cung cấp:

4. Tổng vốn đầu tư, (ghi bằng VNĐ và giá trị tương đương USD) trong đó:

- Vốn chủ sở hữu:
- + Giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư:
- + Giá trị, tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:
- Vốn do nhà đầu tư huy động:

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có), bao gồm giá trị, tỷ lệ, tiến độ, phương thức và Điều kiện giải ngân:

5. Thời hạn và tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ xây dựng (*ghi cụ thể tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng*):

- Tiến độ giải phóng mặt bằng: kể từ đến

- Tiến độ xây dựng: kể từ đến

b. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (*ghi cụ thể tiến độ theo phân kỳ đầu tư*):

c. Thời gian kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình:

d. Thời gian chuyển giao công trình (nếu có):

đ. Thời gian bảo hành công trình sau khi chuyển giao (nếu có):

6. Điều kiện thực hiện dự án:

- Điều kiện kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng (*đối với hợp đồng BOT, BTO, BTL, BLT và các hợp đồng tương tự khác*):

- Điều kiện thực hiện Dự án khác (*đối với hợp đồng BOT*), bao gồm Điều kiện sử dụng đất:

- Các nội dung khác:

7. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (nếu có):

II. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ Điều chỉnh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

NHÀ ĐẦU TƯ

(*Từng nhà đầu tư ký và ghi họ tên, chức danh
và đóng dấu, nếu có*)

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao chứng minh thư hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân đối với nhà đầu tư là thể nhân; Giấy tờ chứng thực việc thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là pháp nhân;

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời Điểm đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (*trường hợp chỉ đăng ký thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Thông tư này thì không phải gửi kèm báo cáo này*);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng dự án;

- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án);

- Bản sao hợp lệ quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi Điều chỉnh (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án do Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi);
- Thỏa thuận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án);
- Thỏa thuận về việc tiếp nhận dự án của bên cho vay và bản sao hợp lệ chứng nhận thành lập của bên cho vay hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác (đối với trường hợp bên cho vay tiếp nhận dự án).

5. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án và giải quyết các thủ tục có liên quan theo thỏa thuận tại hợp đồng dự án;

+ Nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấm dứt hiệu lực nội dung đăng ký đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp thực hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh; bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gồm những nội dung về tình hình thực hiện dự án, căn cứ chấm dứt hợp đồng dự án và gửi kèm tài liệu về việc hoàn thành thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án và các thủ tục có liên quan, nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện:

- Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức)

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hiệu lực nội dung đăng ký đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư

(đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư.

i) Lệ phí:

Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.